

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 24/4 /2020

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Ông Nguyễn Thế Anh

- Thư ký phiên tòa bà: Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện
Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa: Không
tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh
Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-DS ngày 01
tháng 10 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020, giữa các
đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H - Sinh năm: 1957 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bùi Thị L – Sinh năm 1990

Đều có địa chỉ: Thôn Liên Đ, xã H Bình, huyện T G, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ
án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:*

Bà và chị Bùi Thị L và Bùi Thị T là hai chị em, là người cùng xã, cũng thôn
nên có quen biết nhau nên hai chị em L và T có đến hỏi bà vay tiền để đóng tàu thu
mua từ năm 2014 đến ngày 19/8/2017 thì chốt nợ là 01 tỷ và 100 triệu tiền ồng. Sau
khi chốt nợ vào ngày 19/8/2017 thì hai chị em L và T không thực hiện việc trả nợ cho
bà. Bà đã nhiều lần yêu cầu chị L và T trả nợ nhưng cả hai chị L và T không trả nợ
cho bà. Vì vậy bà làm đơn khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị L và Bùi Thị T trả lại số tiền
nợ gốc tổng là 1.100.000.000đ và trả lãi theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại bản tự khai ngày 24/10 và ngày 08/11/2019 bị đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị thừa nhận có vay bà Phan Thị H số tiền 01 tỷ và 100 triệu tiền ồng. Tổng số tiền chị viết giấy nhận nợ ngày 19/8/2017 là 1.100.000.000đ. Việc vay nợ chỉ có một mình chị là người trực tiếp vay, không liên quan đến em chị là Bùi Thị T nên chị nhận trách nhiệm trả nợ cho bà Phan Thị H. Nhưng chị khai rằng Trước đó do bà H và một số người trong xã có xảy ra tranh chấp thì chị có viết giấy chuyển nợ cho bà H là 600 triệu để chị đứng ra trả nợ thay cho bà H. Tuy nhiên những người này không đồng ý cho chị trả nợ thay cho bà H nên chị vẫn thừa nhận còn nợ bà H 1 tỷ và 100 triệu tiền ồng, trong giấy nhận nợ không viết đến phải trả tiền lãi nhưng chị khai rằng bà H có lấy lãi từ 1300 đến 1500đ/01 triệu/ 1 ngày trong quá trình vay mượn chị đã trả được cho bà H số tiền nợ gốc là 400 triệu đồng vào khoảng giữa năm 2016, đến nay chị chỉ còn nợ lại 600 triệu còn 100 triệu là tiền chị đóng ồng cùng bà H, sau khi chị nhận 100 triệu thì có trả luôn tiền lãi cho bà H nên chị xin bà H số tiền 100 triệu này. Còn số tiền gốc 600 triệu do chị làm ăn thua lỗ nên chị trả trước cho bà H 60 triệu còn lại chị sẽ trả dần hoặc khi nào bán được ghe chị sẽ trả.

Tại bản tự khai của ông Nguyễn Trọng D là chồng của bà H trình bày; Việc vợ ông là bà H có cho chị Bùi Thị L vay tiền là đúng. Số tiền vay là 1.100.000.000đ theo đúng như giấy nhận nợ mà chị L viết. Còn quá trình trả nợ giữa chị L và bà H như thế nào thì ông không biết và ông cũng không phải là người đứng ra cho chị L vay. Số tiền trên là tiền của bà H đi vay mượn của nhiều người khác để cho chị L vay tiền không liên quan gì đến ông nên ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng.

Tại phiên hòa giải ngày 24/10/2019, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà cũng đồng ý để mình chị Bùi Thị L là người trực tiếp trả nợ cho bà. Khi đi vay thực tế chỉ có mình chị L đứng ra là người trực tiếp vay và nhận tiền từ bà. Đối với số tiền 400 triệu bà thừa nhận có nhận của chị L nhưng đây là tiền chị L trả lãi cho bà từ năm 2014 đến năm 2017, không liên quan đến việc trả tiền gốc. Đối với số tiền ồng 100 triệu là tiền chị L ngò ồng với bà, chị L đã lấy số tiền này nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc chị L phải trả cho bà tổng số tiền nợ là 1.100.000.000đ và tiền lãi theo quy định. Quan điểm của chị L tại phiên hòa giải chị thừa nhận có nợ bà H số tiền 1 tỷ và 100 triệu tiền ồng, nhưng chị đã trả được 400 triệu tiền gốc số còn lại là 600 triệu. Đối với số tiền ồng là tiền chị đã lấy và gặt sang trả tiền lãi cho bà H nên chị xin không trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Bùi Thị L trả số tiền nợ gốc 1.100.000.000đ, và trả lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị L, Bùi Thị T trả nợ số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Bùi Thị L và Bùi Thị T có nơi cư trú tại thôn Liên Đình, xã H Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. **Tuy nhiên trong quá trình giải quyết cả bà H và chị L đề xác định việc vay mượn chỉ có mình chị L đứng ra và chị L nhận trách nhiệm trả nợ cho bà H, bà H cũng nhất trí đề mình chị Bùi Thị L đứng ra thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Vì vậy HĐXX xác định bị đơn trong vụ án là chị Bùi Thị L. Đối với ông Nguyễn Trọng Dương là chồng bà H, ông thừa nhận có biết việc chị L có vay tiền của bà H nhưng việc vay nợ giữa bà H và chị L như thế nào thì ông không biết và cũng không liên quan gì đến ông nên ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án. Xét thấy đây là đề nghị hợp pháp của ông Dương nên HĐXX xác định ông không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến việc vay nợ giữa bà H và chị L.**

Tại phiên tòa, bị đơn Bùi Thị L vắng mặt, nhưng đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 3, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Các bên đương sự đều thống nhất vào ngày 19/8/2017 chị Bùi Thị L còn nợ bà Phan Thị H số tiền 01 tỷ và 100 triệu tiền ồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết chị L khai rằng trong quá trình vay mượn chị đã trả lại cho bà H được 400 triệu tiền gốc nhưng chị không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc mình đã trả cho bà H 400 triệu tiền gốc. Bà H có thừa nhận là chị L đã trả cho bà 400 triệu nhưng đây là tiền lãi của số tiền 01 tỷ từ năm 2014 đến năm 2017 nên bà không đồng ý khấu trừ số tiền 400 triệu vào số tiền nợ gốc. Xét thấy lời khai nại của chị L về việc trả nợ 400 triệu đồng tiền gốc vào giữa năm 2016 là không có cơ sở bởi lẽ đến ngày 19/8/2017 chị L mới viết giấy nhận nợ với bà Phan Thị H với số tiền vay là 01 tỷ và ngày 30/3/2017 thì có lấy tiền ồng như bà H là 100 triệu đồng sau thời điểm chị trả nợ cho bà H là gần một năm kể từ thời điểm chị khai trả nợ gốc cho bà H 400 triệu. Việc bà H thừa nhận có nhận số tiền 400 triệu từ chị L nhưng đây là tiền lãi của năm 2014 đến năm 2017 là có cơ sở. Tuy giấy nhận nợ không thể hiện việc vay nợ có lãi suất tuy nhiên cả chị L và bà H đều thừa nhận có lấy tiền lãi của số tiền vay. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về số tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa bà H xin rút yêu cầu tính lãi. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bà Phan Thị H nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Buộc chị Bùi Thị L phải nộp 45 triệu đồng theo quy định tại Nghị quyết 326 của BTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, **điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228**, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm d tiểu mục 1.3 mục 1 phần 2 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Bùi Thị L phải trả cho bà Phan Thị H số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bà Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm
- Chị Bùi Thị L phải nộp 45 triệu tiền án phí dân sự có giá ngạch.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bà H, vắng mặt chị L. Bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Cúc